

DANH SÁCH CHỈ TIÊU, TIÊU CHUẨN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 1353/TB- VDD ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Viện Dinh dưỡng)

| TT | Vị trí việc làm cần tuyển dụng | Hạng CDNN | Số lượng | Tiêu chuẩn về văn bằng, chứng chỉ theo khung năng lực vị trí việc làm |
|----|---|-----------|----------|--|
| 1 | Bác sĩ khám và tư vấn dinh dưỡng | Hạng III | 3 | - Tốt nghiệp đại học trở lên (Bác sĩ Đa khoa, BS chuyên khoa Nội, Nhi, Dinh dưỡng) - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |
| 2 | Nghiên cứu viên Dinh dưỡng cộng đồng | Hạng III | 1 | - Tốt nghiệp đại học trở lên (chuyên ngành Y khoa, Dinh dưỡng, Y tế công cộng) - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |
| 3 | Nghiên cứu viên Giám sát cộng đồng | Hạng III | 2 | - Tốt nghiệp đại học trở lên (chuyên ngành Y, Dinh dưỡng, Y tế công cộng, Thống kê Y học) - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |
| 4 | Nghiên cứu viên Công nghệ sinh học | Hạng III | 4 | - Tốt nghiệp đại học trở lên (chuyên ngành Vi sinh, Sinh học, Công nghệ sinh học) - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |
| 5 | Nghiên cứu viên Công nghệ thực phẩm | Hạng III | 3 | - Tốt nghiệp đại học trở lên (chuyên ngành Thực phẩm, Dinh dưỡng, Công nghệ thực phẩm) - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |
| 6 | Nghiên cứu viên Dinh dưỡng ngành nghề | Hạng III | 6 | - Tốt nghiệp đại học trở lên (chuyên ngành Y, Dinh dưỡng, YTCC) - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |
| 7 | Dược sĩ | Hạng III | 3 | - Tốt nghiệp đại học trở lên (Dược sĩ đại học) - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |
| 8 | Nghiên cứu viên Hóa sinh và chuyển hóa dinh dưỡng | Hạng III | 1 | - Tốt nghiệp đại học trở lên (chuyên ngành Y khoa, Dược, Hóa sinh) - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |

| | | | | |
|---------|--|----------|----|--|
| 9 | Nghiên cứu viên Phân tích vi chất dinh dưỡng | Hạng III | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học trở lên (Bác sĩ, Dược sĩ đại học) - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |
| 10 | Điều dưỡng cao đẳng | Hạng IV | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp Cao đẳng điều dưỡng trở lên - Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |
| 11 | Trợ lý nghiên cứu (nhân trắc dinh dưỡng) | Hạng IV | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ trung cấp trở lên (chuyên ngành Y, Xã hội, Y tế công cộng, Dinh dưỡng) - Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |
| 12 | Dinh dưỡng | Hạng IV | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ cao đẳng trở lên (chuyên ngành Dinh dưỡng tiết chế) - Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |
| 13 | Chuyên viên Chi đạo tuyến | Hạng III | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp Đại học trở lên (chuyên ngành Y khoa, Y tế công cộng, Nông nghiệp, Thực phẩm, Dinh dưỡng) - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |
| 14 | Kỹ thuật Y (xét nghiệm vi sinh) | Hạng IV | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ trung cấp trở lên ((chuyên ngành xét nghiệm y học) nếu tốt nghiệp chuyên ngành hóa sinh, dược hoặc chuyên ngành y học khác thì phải có chứng chỉ đào tạo chuyên ngành kỹ thuật y học theo quy định - Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |
| 15 | Chuyên viên Kế hoạch tổng hợp | Hạng III | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học trở lên (chuyên ngành Y, Hành chính, Luật, Kinh tế, Ngoại ngữ) - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |
| 16 | Kế toán viên | Hạng III | 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học trở lên (chuyên ngành Kế toán, Tài chính) - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |
| 17 | Chuyên viên Vật tư quản trị | Hạng III | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp Đại học trở lên (chuyên ngành Môi trường, Thiết bị Y tế) - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |
| 18 | Chuyên viên Phát triển sản phẩm dinh dưỡng | Hạng III | 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học trở lên (chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Marketing, Kinh tế, Tài chính) - Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2)/tương đương trở lên. - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. |
| Tổng số | | | 46 | |

